TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **236/**2018/HNGĐ-ST
Ngày 03/7/2018
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Cao Thị T và anh Hoàng Đại V"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Thịnh.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 29/5/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 18/6/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

* *Bị đơn:* Anh Hoàng Đại V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn, chị Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Đại V kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật. Khi kết hôn cả hai đều tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại Xóm G, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Đến tháng 11/2017 thì anh V bỏ về nhà ở xã L, huyện S,

tỉnh Tuyên Quang sống, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không có liên lạc gì, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh V, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đại V.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Đại V không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định chị và anh Hoàng Đại V không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Hoàng Đại V đến để giải quyết vụ án nhưng anh V đều vắng mặt, không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh V đang cư trú và tại gia đình bố mẹ đẻ anh V (anh V đang sống cùng với bố mẹ đẻ); xác minh tại địa phương nơi chị Cao Thị T đang cư trú và tại gia đình bố mẹ đẻ chị T (chị T hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ). Kết quả xác minh thể hiện, anh Hoàng Đại V và chị Cao Thị T có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh V và chị T kết hôn có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2017 tại UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, sau khi kết hôn cùng về chung sống với bố, mẹ đẻ chị T. Nhưng đến cuối năm 2017 anh V bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh V ở Thôn Q, xã L, huyện S, tỉnh Tuyên Quang sống, chị T và anh V không cùng chung sống nữa. Chị T và anh V không có con chung; không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T; xử cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Hoàng Đại V. Về quan hệ con chung; quan hệ tài sản, đất đai chung; quan hệ vay nợ chung chị T xác định không có, không xem xét giải quyết; chị Cao Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Cao Thị T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Hoàng Đại V kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp uật. Tuy nhiên, khi chung sống không hòa thuận, vợ chồng tính tình không hợp, không có cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2017 đến nay, chị T và anh V hoàn toàn sống ly thân, không có sự gắn kết, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh Hoàng Đại V.

[2] Về con chung: Chị Cao Thị T xác định không có con chung, kết quả xác minh thể hiện chị T và anh V không có con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc nuôi con chung giữa chị T và anh V.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Cao Thị T xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai, vay nợ chung; kết quả xác mih thể hiện chị T và anh V không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Chị T không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Cao Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị T được ly hôn với anh Hoàng Đại V.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Cao Thị T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số N^0 0005815 ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

Anh Hoàng Đại V không phải nộp án phí.

Chị Cao Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Đại V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- THA dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lương Thanh Huyền